

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U1
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày 15-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U1, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh;
2. Ông Trần Thanh Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U1, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U1, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Khai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U1, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2022/TLST- HS, ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2022/QĐST- HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc D; tên gọi khác: Q, sinh ngày 16/8/1982, tại: thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Tổ 3, phường E, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T và bà Nguyễn Thị K; vợ: không có; có con: Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 2007.

Tiền án: 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản và tội cướp giật tài sản.

Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 21/02/2017 và 48 tháng tù về tội cướp giật tài sản tại Bản án số 09/2017/HSST ngày 24/2/2017. Theo Quyết định tổng hợp hình phạt số 30/2017/QĐ-CA ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố

Quảng Ngãi tổng hợp hình phạt của 02 bản án. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2021.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/10/2021 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Minh T1; tên gọi khác: R, sinh ngày 20/01/1973, tại: thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Tổ 3, phường E, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M (đã chết) và bà Bùi Thị Thanh N1; vợ: Trần Thị Trâm A (đã ly hôn); có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/10/2021 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Văn N2; tên gọi khác: Y; sinh ngày 05/7/1967, tại: thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Tổ 3, phường E, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T2 (đã chết); và bà Lê Thị N3; vợ: Trương Thị Ngọc C (đã ly hôn); có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án: không có;

Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 04/02/2021, có hành vi trộm cắp tài sản tại thôn U, xã P, huyện S, bị Công an huyện S ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39/QĐ-XPHC ngày 04/3/2021 đối với Lê Văn N2, hình thức phạt tiền.

Nhân thân, bị cáo đã bị xử phạt 8 năm tù về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy theo bản án số 18/2009/HSST ngày 16/4/2009 của Tòa án huyện S.

Bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng nhưng không thực hiện, theo Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 19/8/2021 của Tòa án thành phố Quảng Ngãi

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/10/2021 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Thế H; tên gọi khác: Đ, sinh ngày 25/8/1983, tại: thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn X, xã V, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T3 và bà Võ Thị D1; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Về nhân thân: Nguyễn Thế H đã bị kết án về tội cướp giật tài sản theo Bản án số 38/2015/HSST ngày 19/3/2015 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 03/02/2016, chấp hành xong hình phạt 1 năm 3 tháng tù và ngày 23/6/2015 thì hành xong phần án phí. Đến ngày 11/10/2021 đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/10/2021 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Trương Quang N4; tên gọi khác: K1, sinh ngày 20/10/1978, tại: thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn G, xã L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương C1 và bà Lê Thị D2; vợ Dương Thị B1 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/10/2021 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

1. Ông Huỳnh Văn C2; sinh năm 1979; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q1, xã E1, huyện R1, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công Ty TNHH A1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn N5 – Giám đốc. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn N6. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã S1, huyện R1, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn H1; sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn V1, xã E1, huyện R1, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Phạm Ngọc D, Nguyễn Minh T1, Lê Văn N2, Nguyễn Thế H, Trương Quang N4 đều là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy. Lợi dụng việc tạm dừng hoạt động, không có người trông coi tài sản của các Trại nuôi heo trên địa bàn giáp ranh giữa huyện U1 và huyện R1 nên các đối tượng này đã đến trộm cắp.

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/10/2021 đến ngày 14/10/2021 các bị cáo đã nhiều lần trộm cắp khung sắt đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng chung và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 14/10/2021, khi N4, H, T1 đem tài sản trộm cắp bán cho ông Nguyễn H1 thì bị Công an xã E1, huyện R1 phát hiện lập biên bản sự việc và chuyển cho Công an huyện U1 xử lý và thu giữ các khung sắt với tổng khối lượng là 1.240kg. Cụ thể các lần trộm cắp như sau:

- Ngày 10/10/2021:

+ Khoảng 09 giờ ngày 10/10/2021, Phạm Ngọc D cùng Trương Quang N4 vào một ngôi nhà hoang đối diện trại heo của ông Huỳnh Văn C2 trộm một bó sắt có trọng lượng 32 kg (chưa rõ chủ sở hữu) mang đến bán cho ông Nguyễn H1 được 300.000 đồng. D, N4 lấy tiền mua ma túy sử dụng chung.

+ Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, Phạm Ngọc D cùng Nguyễn Thế H đến trại chăn nuôi heo của ông Huỳnh Văn C2 trộm cắp 01 thùng kim loại màu trắng có bánh xe (khung sắt máy tời cám, trọng lượng 42 kg) mang đến bán cho ông Nguyễn H1 được 380.000 đồng, lấy tiền mua ma túy sử dụng chung.

Theo kết luận định giá số 19/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện R1, Kết luận:

Giá trị tài sản của 01 bó sắt (không rõ hình dạng, kích thước) có trọng lượng 32kg là 160.000 đồng (Một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Giá trị tài sản của 01 thùng kim loại bằng sắt kích thước (90x104x46,5)cm có trọng lượng 42kg (đã qua sử dụng) là 126.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn đồng) (BL 143-144)

- Ngày 11/10/2021:

+ Khoảng 14 giờ, Phạm Ngọc D cùng với Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Thế H trộm cắp nhiều khung sắt (sử dụng làm cửa, vách ngăn chuồng heo) của trại chăn nuôi Công ty TNHH A1 (sau đây gọi là Công ty A1) tại thôn Y1, xã P1, huyện U1. Sau đó, D sử dụng xe mô tô biển số 76V9-3553 vận chuyển số sắt đã trộm được đến bán cho ông Nguyễn H1 (D chở 1/2 số sắt cùng với T1, sau đó quay lại chở số sắt còn lại cùng với H). Tổng khối lượng số sắt đã trộm là 215kg, bán được 1.935.000 đồng, D lấy tiền chia cho H, T1 và mua ma túy sử dụng chung.

+ Khoảng 15 giờ, Trương Quang N4 cùng với Lê Văn N2 trộm cắp nhiều khung sắt (sử dụng làm cửa, vách ngăn chuồng heo) của trại chăn nuôi của Công ty A1. Sau đó, N4 sử dụng xe mô tô biển số 73C1-009.24 vận chuyển số sắt đã trộm được đến bán cho ông Nguyễn H1 (N4 chở 1/2 số sắt đã trộm đi trước, sau đó quay lại chở số sắt còn lại cùng với N2). Tổng trọng lượng số sắt đã trộm là 213kg, bán được 1.917.000 đồng, N4 lấy tiền chia cho N2 và mua ma túy sử dụng chung.

Theo kết luận định giá số 16/KL-HĐĐGTTHS ngày 26/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U1, Kết luận:

Giá trị tài sản của 213 kg sắt là 1.917.000 đồng.

Giá trị tài sản của 215 kg sắt là 1.935.000 đồng. (BL 140)

- Ngày 12/10/2021:

+ Khoảng 10 giờ, Phạm Ngọc D cùng với Nguyễn Thế H trộm cắp nhiều khung sắt (sử dụng làm cửa, vách ngăn chuồng heo) của trại chăn nuôi Công ty A1. Sau đó, D sử dụng xe mô tô biển số 76V9-3553 vận chuyển số sắt đã trộm được

đến bán cho ông Nguyễn H1. Tổng khối lượng số sắt đã trộm là 58kg, bán được 530.000 đồng, D lấy tiền mua ma túy sử dụng chung.

+ Khoảng 12 giờ, Phạm Ngọc D đi một mình tiếp tục trộm cắp nhiều khung sắt (sử dụng làm cửa, vách ngăn chuồng heo) của trại chăn nuôi Công ty A1 và bán cho ông Nguyễn H1. Tổng khối lượng số sắt đã trộm là 88kg, D bán được 730.000 đồng.

+ Trương Quang N4 cùng với Lê Văn N2 trộm cắp nhiều khung sắt (sử dụng làm cửa, vách ngăn chuồng heo) của trại chăn nuôi Công ty A1. Sau đó, N4 sử dụng xe mô tô biển số 73C1-009.24 vận chuyển số sắt đã trộm được đến bán cho ông Nguyễn H1 (N4 chở một nửa số sắt đã trộm đi trước, sau đó quay lại chở số sắt còn lại cùng với N2). Tổng khối lượng sắt đã trộm là 210kg, bán được 1.890.000 đồng, N4 lấy tiền chia cho N2 và mua ma túy sử dụng chung.

Theo kết luận định giá số 15 và 17/KL-HĐĐGTTHS ngày 26/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U1, Kết luận:

Giá trị tài sản của 58 kg sắt là 522.000 đồng.

Giá trị tài sản của 88 kg sắt là 792.000 đồng.

Giá trị tài sản của 210 kg sắt là 1.890.000 đồng. (BL: 139,141)

- Ngày 13/10/2021, Trương Quang N4 điều khiển xe mô tô biển số 73C1-009.24 chở Lê Văn N2; Nguyễn Thế H điều khiển xe mô tô (xe do H mượn của một thanh niên không rõ lai lịch ở cùng khu vực phòng trọ của H và H không rõ biển số) chở Nguyễn Minh T1 đi trộm cắp sắt, trên đường đi thì gặp nhau và cùng nhau đến trại chăn nuôi của Công ty A1 tại xã P1 để trộm cắp sắt. Sau khi đã trộm cắp được nhiều khung sắt thì N2 sử dụng xe mô tô biển số 73C1-009.24 để chở đến điểm thu mua phế liệu của ông Nguyễn H1 trước, còn N4 và T1 ở lại tiếp tục trộm sắt. Khi N2 quay lại cùng với xe mô tô thì N4 dùng xe mô tô này chở sắt còn lại, H đi xe mô tô chở T1 và N2 đi phía sau đến bán cho ông H1. Tổng khối lượng số sắt đã trộm là 252kg, bán được 2.300.000 đồng. N4 lấy tiền chia cho N4, H, N2 mỗi người 700.000đ và chia cho T1 200.000 đồng. Sau đó N4, H, N2 góp tiền mua ma túy sử dụng và cho T1 sử dụng chung.

Theo kết luận định giá số 14/KL-HĐĐGTTHS ngày 16/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U1, Kết luận:

Giá trị tài sản của 252 kg sắt là 2.268.000 đồng. (BL: 138)

- Ngày 14/10/2021, Trương Quang N4 điều khiển xe mô tô biển số 73C1-009.24 chở Nguyễn Thế H và Nguyễn Minh T1 tiếp tục đến trại chăn nuôi của Công ty A1 tại xã P1 trộm cắp sắt và đã trộm cắp 03 khung sắt (sử dụng làm vách ngăn chuồng heo) kích thước giống nhau dài 4,2m, rộng 59cm, có tổng trọng lượng 130kg. Sau đó, N4 vận chuyển số sắt đã trộm được đến bán cho ông Nguyễn H1 (N4 chở hai khung sắt cùng với T1 trước, sau đó quay lại chở khung sắt còn lại cùng với H) thì bị Công an xã E1 phát hiện.

Theo kết luận định giá số 18/KL-HĐĐGTTTHS ngày 26/10/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện U1, Kết luận:

Giá trị tài sản của 130 kg sắt là 1.170.000 đồng. (BL 142)

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U1 truy tố bị cáo D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; các bị cáo T1, N2, N4, H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

Về phần dân sự:

Bị hại ông Huỳnh Văn C2 từ chối nhận tài sản là 01 thùng kim loại bằng sắt hộp có kích thước (90x104x46,5)cm, trọng lượng 42 kg và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản là 2.000.000 đồng.

Công Ty TNHH A1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn H1 đã thỏa thuận nhận lại tiền đã bỏ ra mua sắt của các bị cáo và không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1, N2, N4, H; điểm b khoản 1 Điều 173 đối với bị cáo D

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo N2 phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với Trương Quang N4 và Nguyễn Minh T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn H1 số tiền mà ông H1 đã trả cho các bị cáo khi mua tài sản; bị cáo Trương Quang N4 có mẹ là người có công cách mạng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đề nghị tuyên xử: Phạm Ngọc D từ 30 đến 36 tháng tù; Lê Văn N2 từ 27 đến 30 tháng tù; Nguyễn Thế H từ 18 đến 24 tháng tù; Trương Quang N4 và Nguyễn Minh T1 từ 12 đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng việc tạm dừng hoạt động, không có người trông coi tài sản của các Trại nuôi heo trên địa bàn giáp ranh giữa huyện U1 và huyện R1. Các bị cáo liên tục, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị là 10.780.000 đồng (10.494.000 đồng và 286.000 đồng). Các hành vi xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách liên tục kế tiếp nhau về mặt thời gian; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, tổ chức là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Các bị cáo đồng phạm với vai trò cùng thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Không có cơ sở để khẳng định các bị cáo đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U1, truy tố bị cáo D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; các bị cáo T1, N2, N4, H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

- Bị cáo Phạm Ngọc D: Tham gia trộm cắp 05 lần tổng số tiền cùng chiếm đoạt là 3.535.000 đồng. Tuy đã bị kết án và bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm trong 2 bản án trước nhưng trong vụ án này bị cáo D trộm cắp mỗi lần đều dưới 2 triệu đồng hành vi này được sử dụng để làm tình tiết định tội nên không áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm. Nhưng bị cáo đã bị xét xử nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên cần xử lý nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức

độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, gia đình đã bồi thường cho người liên quan ông Nguyễn H1, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và một tình tiết tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân xấu, bị nghiện ma túy nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Văn N2: Tham gia trộm cắp 03 lần tổng số tiền cùng chiếm đoạt là 6.075.000 đồng. Có hành vi trộm cắp tài sản tại thôn U, xã P, huyện S, bị Công an huyện S ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39/QĐ-XPHC ngày 04/3/2021 hình thức phạt tiền chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính nên cần xử lý nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, gia đình đã bồi thường cho người liên quan ông Nguyễn H1, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và một tình tiết tại khoản 2 Điều 51 không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân xấu, bị nghiện ma túy nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thế H: Tham gia trộm cắp 05 lần tổng số tiền cùng chiếm đoạt là 6.021.000 đồng. Đã bị kết án về tội cướp giật tài sản theo Bản án số 38/2015/HSST ngày 19/3/2015 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh đã được xóa án tích nên cần xử lý nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, gia đình đã bồi thường cho người liên quan ông Nguyễn H1, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và một tình tiết tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân xấu, bị nghiện ma túy nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Minh T1: Tham gia trộm cắp 03 lần tổng số tiền cùng chiếm đoạt là 5.373.000 đồng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng, gia đình đã bồi thường cho người liên quan ông Nguyễn H1 đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51; không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị nghiện ma túy nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trương Quang N4: Tham gia trộm cắp 05 lần tổng số tiền cùng chiếm đoạt là 7.405.000 đồng ; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình đã bồi thường cho người liên quan ông Nguyễn H1, có mẹ là người có công cách mạng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 không có tình tiết tăng nặng; bị nghiện ma túy nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[4] Về phần dân sự:

Căn cứ các điều 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị hại ông Huỳnh Văn C2 từ chối nhận tài sản là 01 thùng kim loại bằng sắt hộp có kích thước (90x104x46,5)cm, khối lượng 42 kg và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản là 2.000.000 đồng bị cáo Phạm Ngọc D cùng Nguyễn Thế H đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc D cùng Nguyễn Thế H liên đới bồi thường ông Huỳnh Văn C2 số tiền 2.000.000 đồng.

Công Ty TNHH A1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn H1 đã thỏa thuận nhận lại tiền đã bỏ ra mua sắt của các bị cáo và không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

Quá trình điều tra cơ quan công an đã xác định và xử lý:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy: Các đối tượng Nguyễn Minh T1, Lê Văn N2, Nguyễn Thế H, Trương Quang N4 và Phạm Ngọc D là những đối tượng nghiện ma túy nên rủ nhau trộm tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng chung. Hành vi trên không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Công an huyện U1 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những đối tượng trên về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với lần trộm cắp tài sản vào ngày 10/10/2021: Phạm Ngọc D cùng Trương Quang N4 trộm một bó sắt có trọng lượng 32 kg tại ngôi nhà hoang thuộc thôn Q1, xã E1, huyện R1. Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu. Khi xác định được chủ sở hữu sẽ xử lý hành vi trên của Phạm Ngọc D, Trương Quang N4 theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn H1 là người đã mua tài sản do các bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định ông H1 không thỏa thuận trước với các đối tượng trộm cắp tài sản và không biết nguồn gốc của tài sản đã mua là do người khác trộm cắp mà có. Do đó, hành vi của ông H1 không thuộc trường hợp quy định tại Điều 173, Điều 323 Bộ luật Hình sự. Nên không xem xét xử lý đối với ông H1 theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển số 76V9-3553 (*số máy: 50015257, số khung: 015257*) Là tài sản của ông Châu H2 (*sinh năm 1959, cư trú tại thôn Đ1, xã X1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi*). Ông H2 giao xe cho con trai là Châu Minh T4 (*sinh năm 1994*) sử dụng. Phạm Ngọc D là anh vợ T4, Ngày 07/10/2021, T4 cho D mượn xe làm phương tiện đi lại sinh hoạt hàng ngày. Việc D sử dụng xe mô tô biển số 76V9-3553 làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ông H2 và T4 không hay biết. Qua tra cứu, xe mô tô này không phải là vật chứng của vụ án khác. Nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho ông Châu H2 quản lý, sử dụng.

Đối với xe mô tô biển số 73C1-009.24, nhãn hiệu DEAHAN; màu sơn: Đỏ xám, số máy VTTJL1P52FMHN 022054, số khung RMDDCG5MD 81008956 là phương tiện để các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Xác minh chủ sở hữu theo đăng ký xe mô tô là Đinh Xuân C3, ông C3 đã cho ông Đinh Trọng B2 (*sinh năm 1976, cư trú tại thôn G1, xã L1, huyện R2, tỉnh Quảng Bình - là em vợ ông C3*) nhưng không lập giấy tờ cho tặng xe. Cơ quan CSĐT Công an huyện U1 đã ủy thác điều tra cho Cơ quan CSĐT Công an huyện R2, tỉnh Quảng Bình nhưng vẫn chưa làm việc được với ông Đinh Trọng B2 và chưa xác minh được chủ sở hữu xe mô tô trên. Qua tra cứu, xe mô tô này không phải là vật chứng của vụ án khác. Cần tiếp tục giao cho CQCSĐT Công an huyện U1 xác minh, làm rõ đối với chủ sở hữu xe mô tô trên và xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự

Vật chứng là tài sản trộm cắp đã trả lại cho chủ sở hữu 01 khung kim loại (sắt hộp), 08 thanh kim loại rời (sắt xây dựng), 76 khung kim loại các loại (sắt xây dựng), tổng khối lượng 1.166kg. Không có yêu cầu gì nên không xét.

Chiếc xe mô tô biển số 76V9-3553, nhãn hiệu VYEM, màu xám, số máy VLF1PMH-3*50015257*, số khung RNKKWEH1CA5X015257. Đã trả lại cho chủ sở hữu, không có yêu cầu gì nên không xét.

Giao cho CQCSĐT Công an huyện U1 xác minh, làm rõ đối với chủ sở hữu và xử lý theo quy định của pháp luật đối với chiếc xe mô tô biển số 73C1-009.24,

nhãn hiệu DEAHAN, màu đỏ xám, số máy VTTJL1P52FMHN02205410407369, số khung RMĐCG5MD 81005956.

Và 01 bó sắt không có hình dạng, khối lượng 32kg, không biết chủ sở hữu.

Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, sung công 01 thùng kim loại bằng sắt hộp có chiều rộng 90cm, chiều dài 1,04m, cao 46,5cm, khối lượng 42 kg.

Tất cả đều đã qua sử dụng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/02/2022 giữa cơ quan Điều tra và cơ quan Thi hành án dân sự huyện U1.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị Cáo Phạm Ngọc D và Nguyễn Thế H phải chịu án phí dân sự.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về mức hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Phạm Ngọc D;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lê Văn N2; bị cáo Nguyễn Thế H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Minh T1; bị cáo Trương Quang N4.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Ngọc D, Nguyễn Minh T1, Lê Văn N2, Nguyễn Thế H, Trương Quang N4 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D 32 (Ba mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn N2 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 22 (Hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trương Quang N4 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về phần dân sự: Căn cứ các điều 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc D cùng Nguyễn Thế H liên đới bồi thường cho ông Huỳnh Văn C2 số tiền 2.000.000 đồng. Mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Giao cho CQCSĐT Công an huyện U1 xác minh, làm rõ đối với chủ sở hữu và xử lý theo quy định của pháp luật đối với chiếc xe mô tô biển số 73C1-009.24, nhãn hiệu DEAHAN, màu đỏ xám, số máy VTTJL1P52FMHN02205410407369, số khung RMĐCG5MD 81005956.

Và 01 bó sắt không có hình dạng, khối lượng 32kg, không biết chủ sở hữu.

- Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự sung công 01 thùng kim loại bằng sắt hộp có chiều rộng 90cm, chiều dài 1,04m, cao 46,5cm, khối lượng 42 kg.

Tất cả đều đã qua sử dụng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/02/2022 giữa cơ quan Điều tra và cơ quan Thi hành án dân sự huyện U1.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phạm Ngọc D, Nguyễn Minh T1, Lê Văn N2, Nguyễn Thế H, Trương Quang N4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Phạm Ngọc D, Nguyễn Thế H mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong hình sự sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CA huyện U1;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện U1;
- Cơ quan THAHS Công an huyện U1;
- VKSND huyện U1;
- Chi cục THADS huyện U1;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường E, thành phố Quảng Ngãi;
- UBND xã V - UBND xã L, thành phố Quảng Ngãi;
- Bị cáo; người có liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi